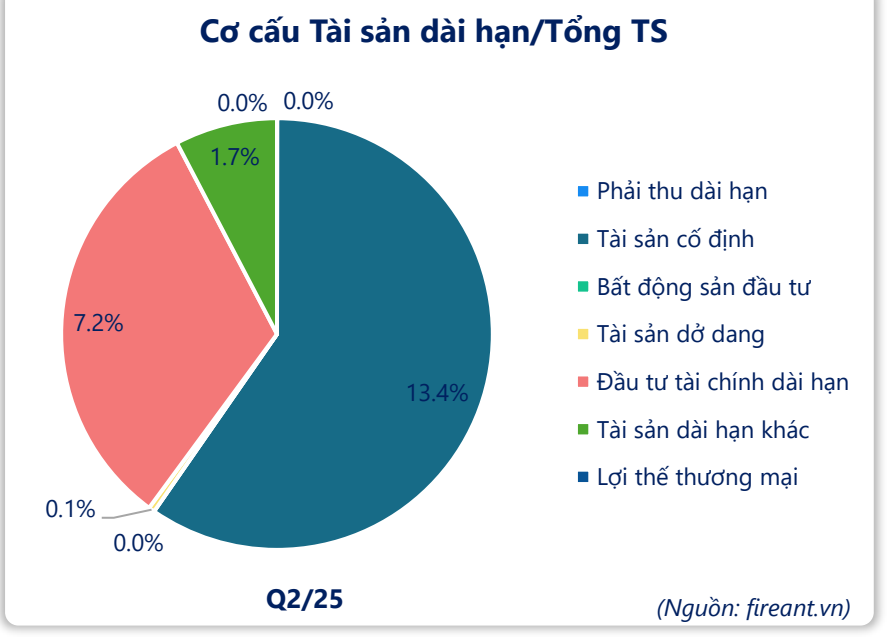
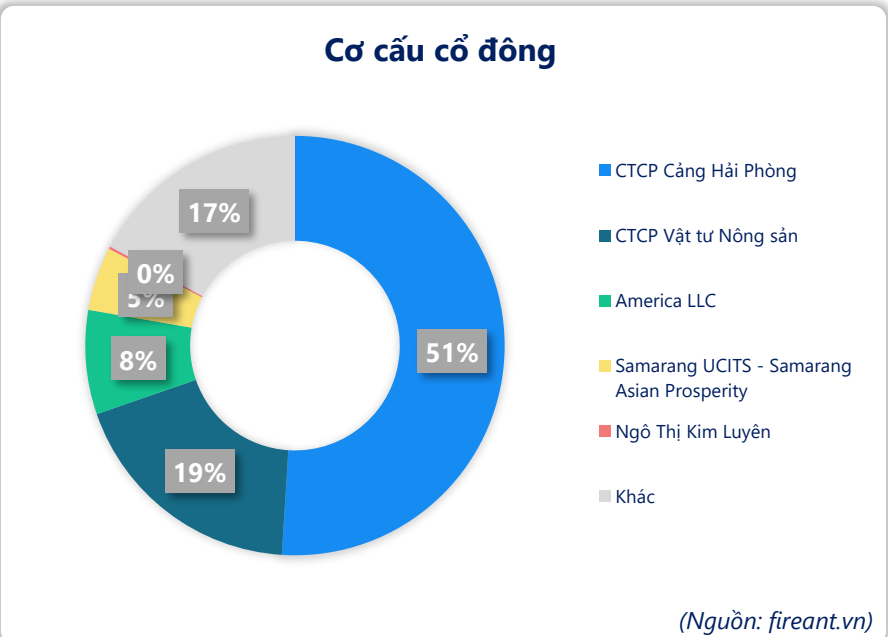
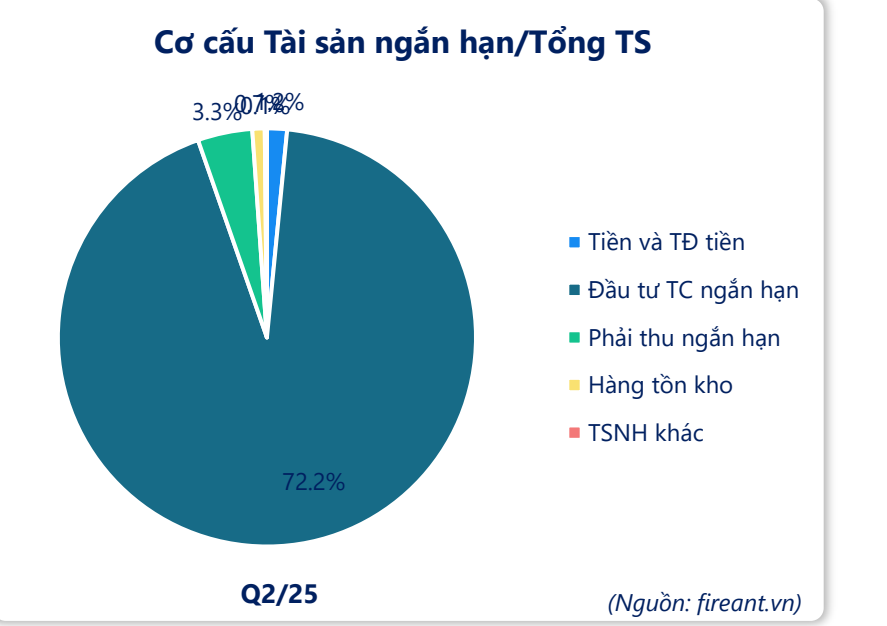
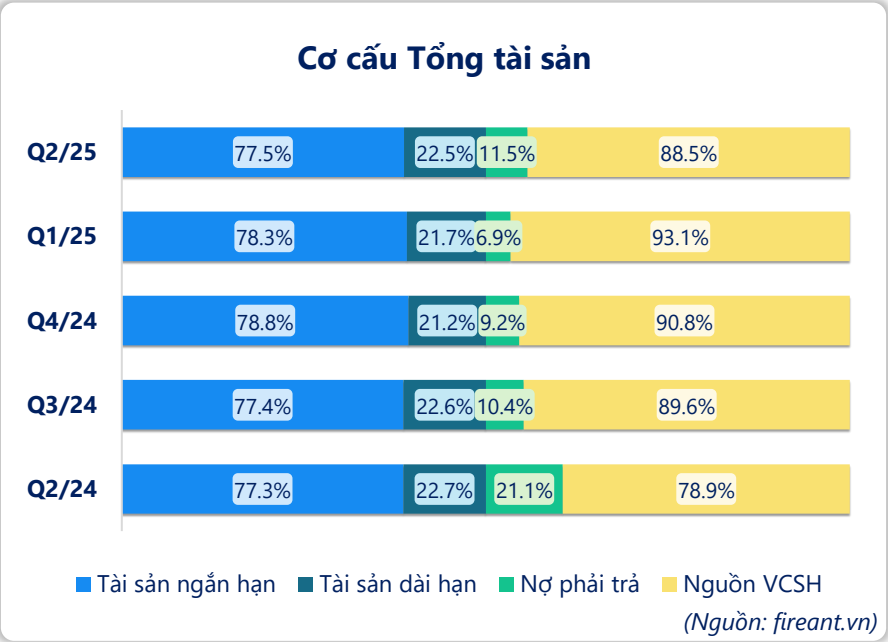
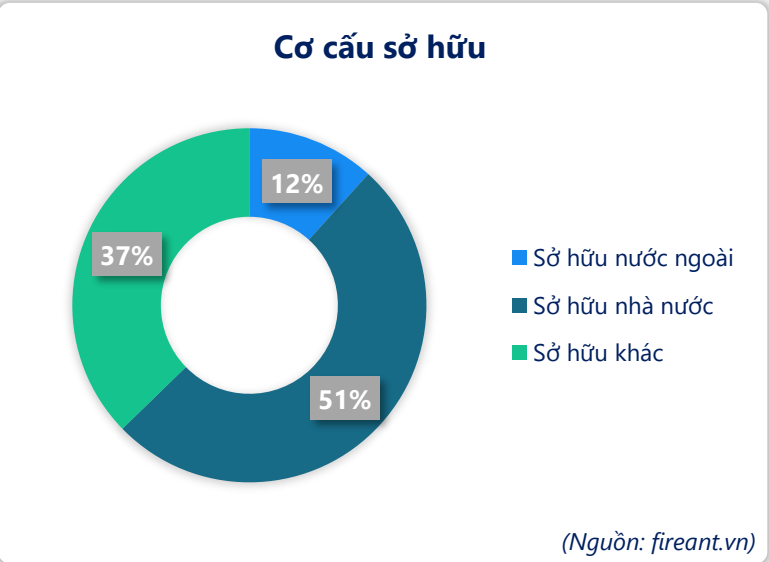
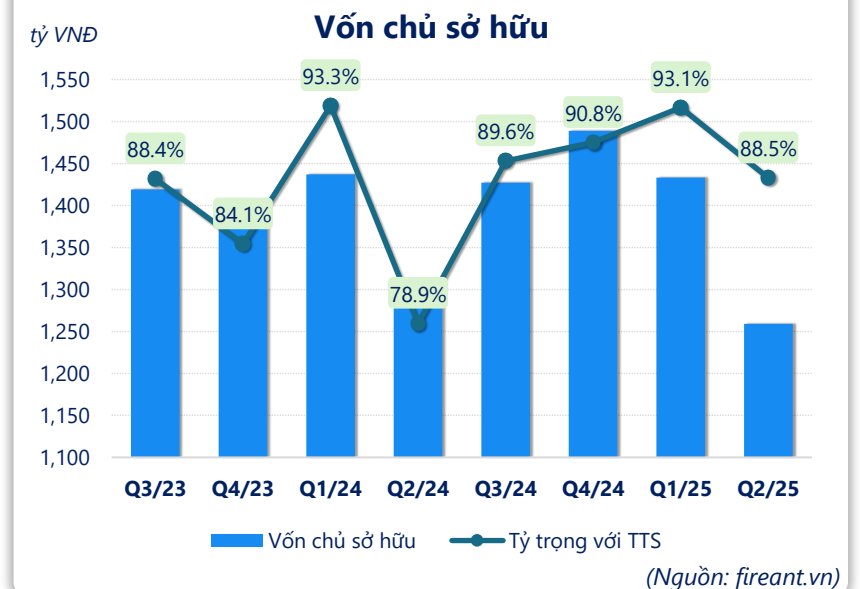
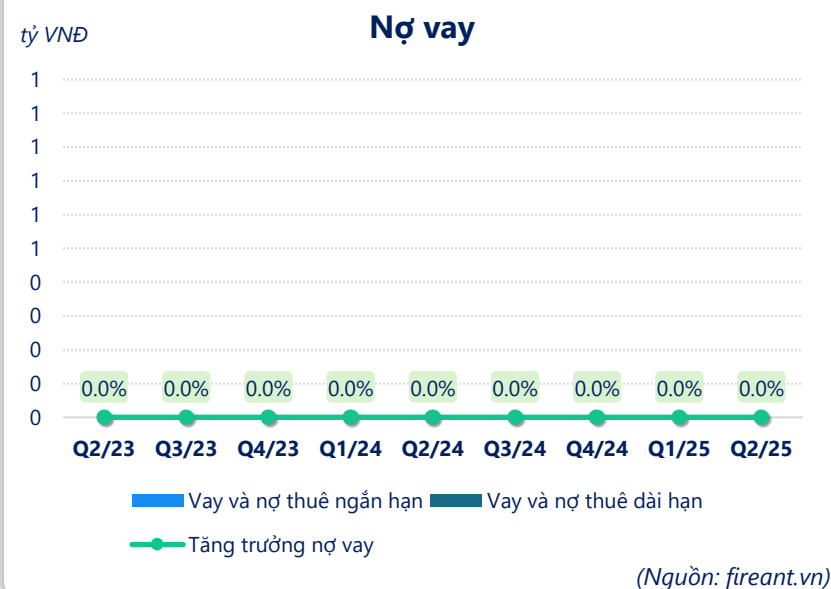
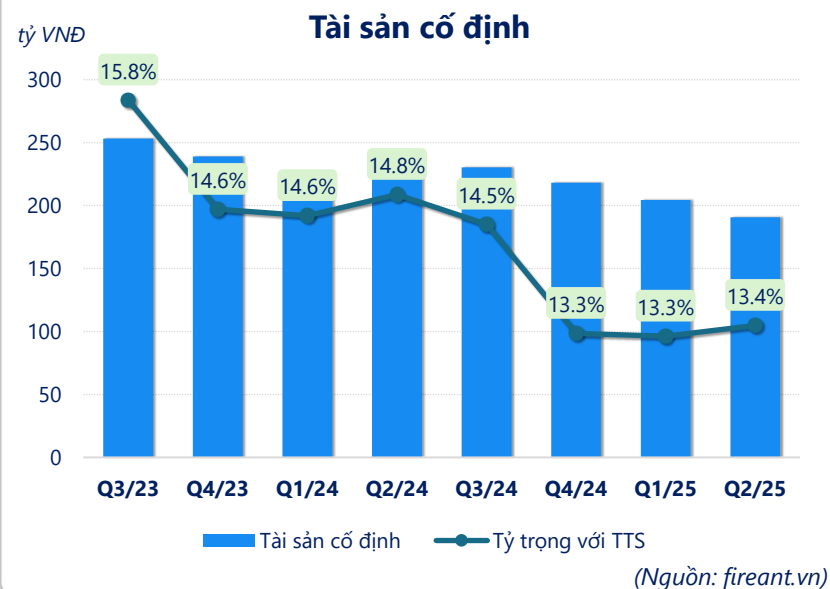
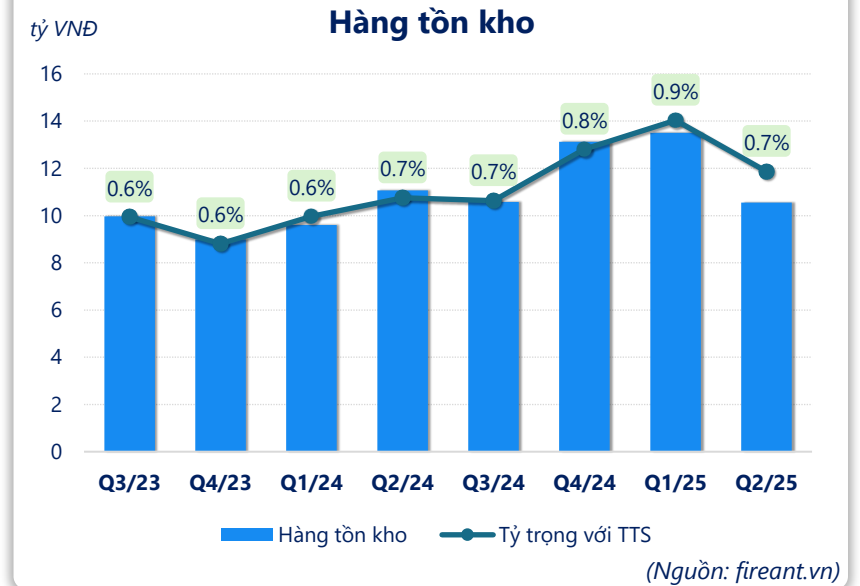
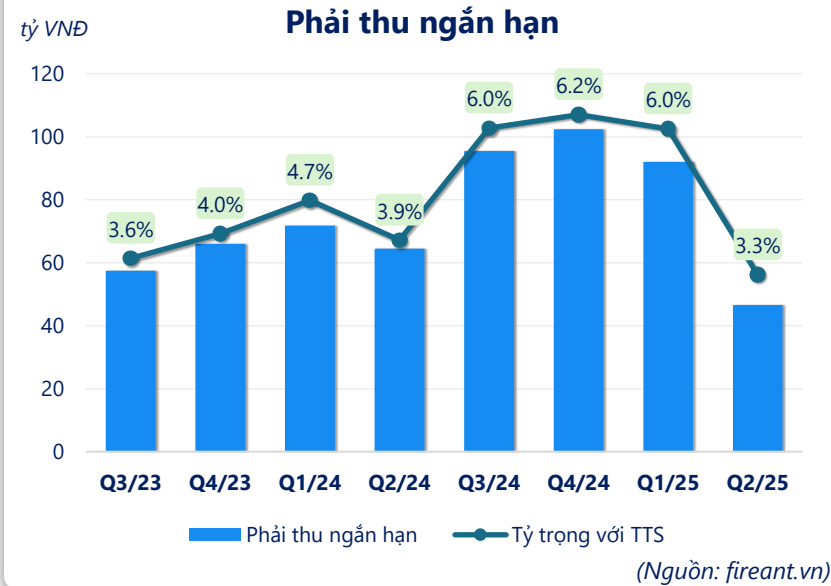
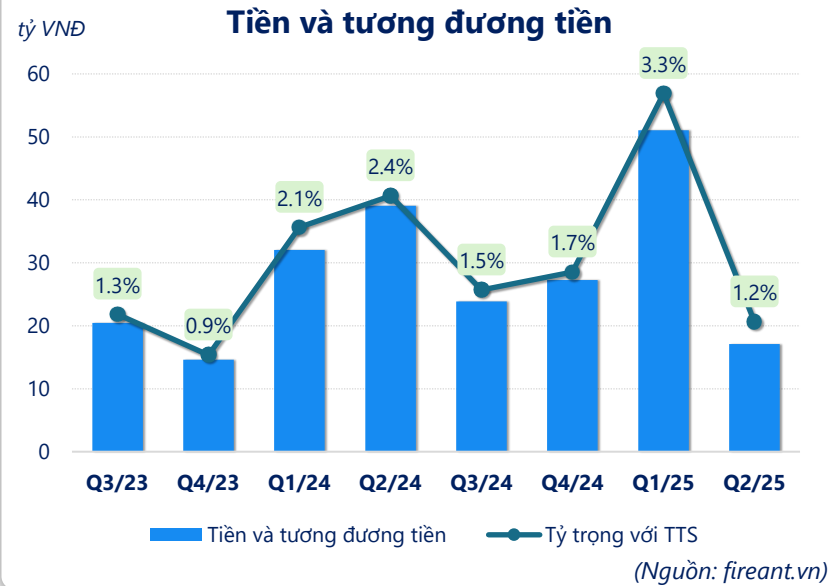
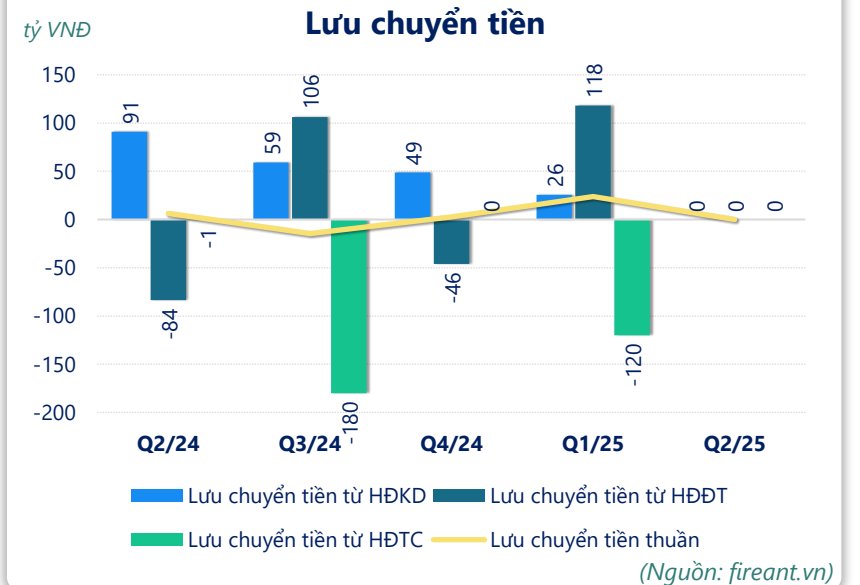
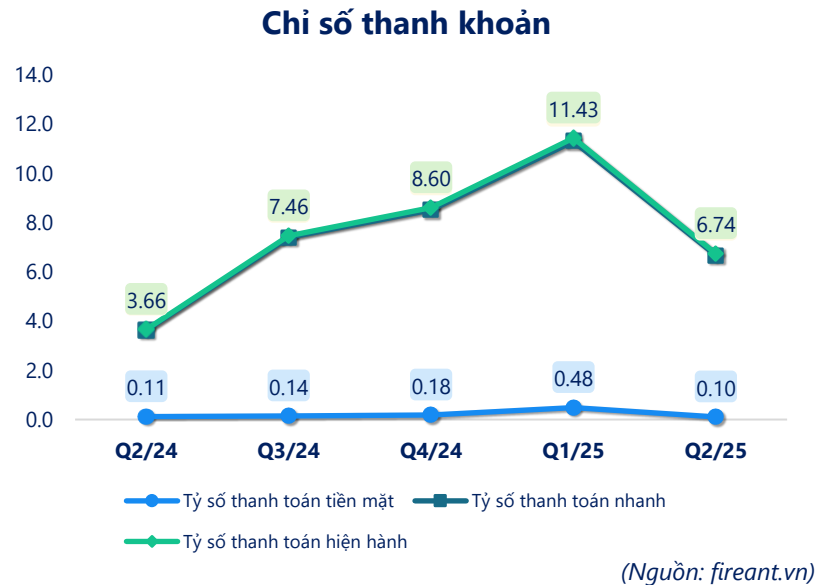
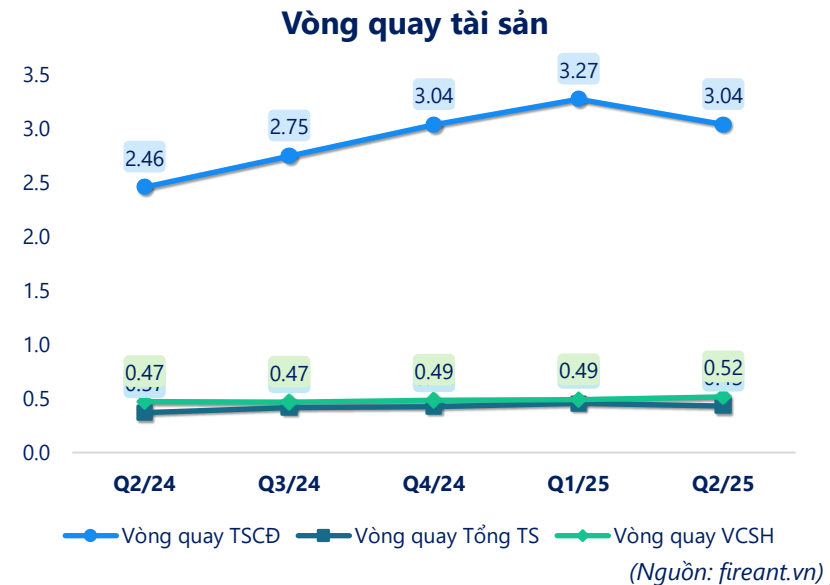
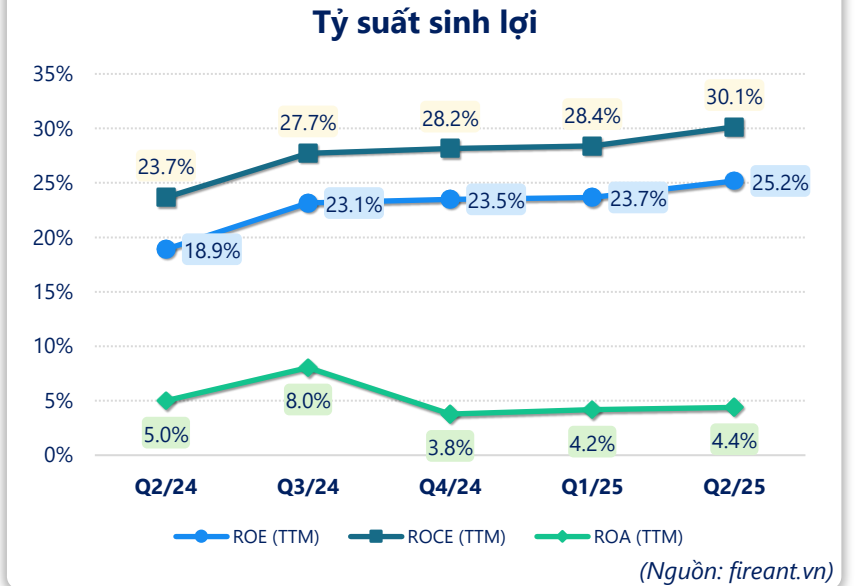
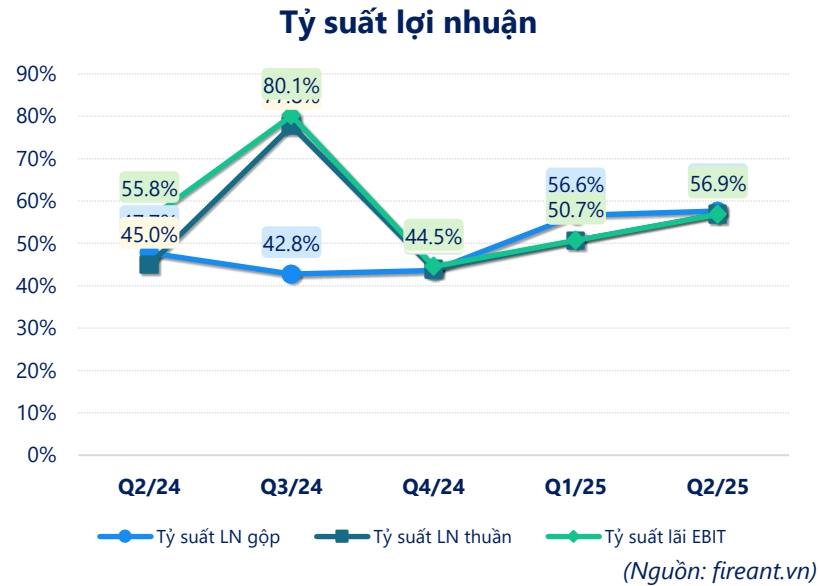
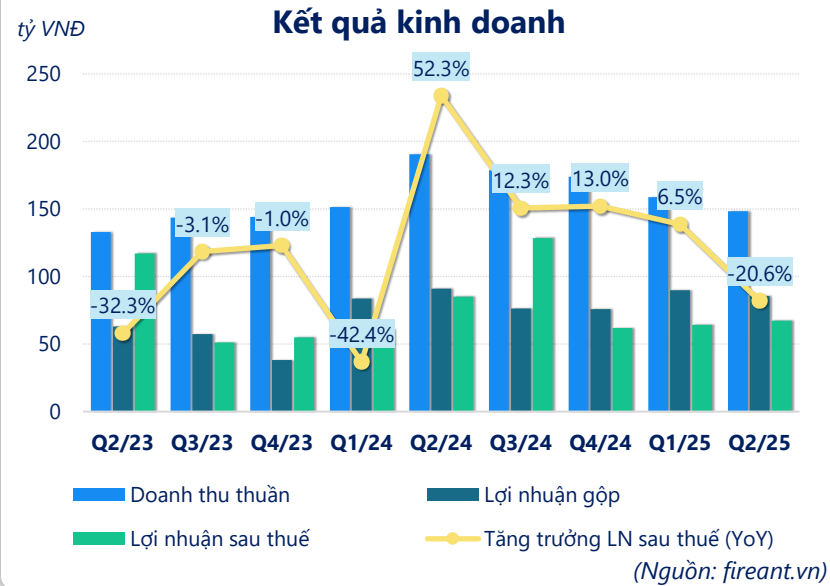


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		77,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		80,444
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		66,290
SL cổ phiếu LH		40,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		9,065
% sở hữu nước ngoài		11.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		3,100
P/E		9.6
EPS		8,048

	YTD	1T	3T	6T
DVP	2.5%	-1.8%	0.6%	5.6%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,423	1,639	-13.2%
Tài sản ngắn hạn	1,103	1,292	-14.6%
Tiền và tương đương tiền	17.1	27.3	-37.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,027	1,147	-10.5%
Phải thu ngắn hạn	46.6	102	-54.5%
Hàng tồn kho	10.6	13.1	-19.6%
Tài sản ngắn hạn khác	1.82	1.99	-8.4%
Tài sản dài hạn	320	347	-8.0%
Phải thu dài hạn	0.08	0.09	-16.1%
Tài sản cố định	191	218	-12.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.45	1.14	27.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	103	103	0.0%
Tài sản dài hạn khác	24.5	24.9	-1.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	164	150	9.0%
Nợ ngắn hạn	164	150	9.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	13.3	14.4	-8.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,259	1,489	-15.4%
Vốn chủ sở hữu	1,259	1,489	-15.4%
Vốn điều lệ	400	400	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	190	179	174	159	148
Giá vốn hàng bán	99.5	102	98.1	68.8	62.8
Lợi nhuận gộp	90.9	76.4	75.8	89.9	85.4
Doanh thu HĐTC	13.9	82.5	26.1	6.17	10.6
Chi phí TC	0.01	0.02	0.00	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0.27
Chi phí QLDN	19.1	20.0	25.5	15.7	11.5
LN thuần từ HĐKD	85.7	139	76.4	80.4	84.3
Lợi nhuận khác	20.6	4.27	1.04	0.10	0.01
LN trước thuế	106	143	77.5	80.5	84.3
Lợi nhuận sau thuế	85.0	128	61.8	64.2	67.4
LNST của CĐ cty mẹ	85.0	128	61.8	64.2	67.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	90.9	59.1	48.9	25.6	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-83.7	106	-46.0	118	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.78	-180	0	-120	0
Tiền đầu kỳ	32.0	39.0	23.8	27.3	0
Lưu chuyển tiền thuần	6.41	-14.6	2.83	23.8	0
Ảnh hưởng tỷ giá	0.61	-0.61	0.61	0.01	0
Tiền cuối kỳ	39.0	23.8	27.3	51.0	0

(Nguồn: fireant.vn)